

ĐĂNG KÝ DỰ THI MOS/IC3

MOS/IC3 REGISTRATION FORM

(Xin vui lòng điền đầy đủ thông tin vào tất cả các mục dưới đây)
(Be sure to complete all items in the form)

Tên cơ quan/ tổ chức:

Organization:

(In Vietnamese)

(In English)

Loại hình (đánh dấu X):

Type of Organization:

☐ Nhà nước/
State-owned

Quốc tế / ☐ Khác (ghi rõ)/
Other (pls specify)

Địa chỉ /Address :

Điện thoại /Tel:

Người đăng ký/Contact person :

Ngày thi /Planned test date:

Danh sách chi tiết/List of entrants :

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	tong	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm/ Certiport/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
1	F	Lương Nguyễn Khánh An	28	5	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
4	F	Châu Diễm Ca	11	6	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
8	M	Nguyễn Duy Hùng	15	2	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
9	M	Hoàng Ngọc Huy	21	10	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
10	M	Hoàng Đình Vĩnh Khang	26	4	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
11	M	Lưu Nguyễn Anh Khôi	4	8	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
17	M	Ma Nguyễn Hùng Mạnh	20	1	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
18	M	Phạm Đào Trường Minh	9	3	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
19	M	Vũ Hải Nam	15	8	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
20	F	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	5	7	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
21	F	Bùi Đặng Khánh Nhiên	14	12	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
22	F	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	2	5	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
23	M	Lê Đức Phúc	20	12	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
24	M	Trần Thiên Phúc	17	2	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
25	M	Vũ Minh Quân	24	6	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
137	F	Trần Ngô Uyên Phương	11	9	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
138	M	Trần Vinh Quang	20	1	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
139	F	Lê Ngọc Sương	30	10	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
140	M	Bùi Duy Tấn	13	11	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
141	F	Lê Minh Thu	8	12	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
142	M	Nguyễn Khiết Trình	28	7	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
143	M	Nguyễn Minh Tùng	29	3	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
144	F	Liều Thanh Vy	9	11	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Phòng thi/ Room	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
145	M	Huỳnh Quốc Bảo	4	9	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
146	M	Nguyễn Chí Công	2	6	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM3
147	F	Trương Phùng Kỳ Duyên	4	4	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
148	F	Lê Nguyễn Bảo Hân	26	12	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
149	F	Phạm Thanh Hân	10	7	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
150	F	Trần Lâm Gia Hân	22	4	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
151	M	Lê Phúc Hậu	2	2	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
152	F	Lương Thị Thu Hiền	22	2	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
153	M	Cao Nguyễn Quốc Huy	18	8	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
154	M	Tôn Thất Gia Huy	23	8	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
155	M	Lê Vũ Hoàng Khải	6	2	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
156	F	Huỳnh Thị Thu Khanh	9	11	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
2	F	Hoàng Trương Ngọc Ánh	5	9	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
3	M	Trần Đình Gia Bửu	20	9	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
5	M	Nguyễn Phú Đạt	26	7	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
6	F	Đinh Thị Hân	28	6	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
7	M	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	17	8	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
12	F	Nguyễn Phương Linh	22	10	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
13	M	Lê Nguyễn Huỳnh Long	3	5	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
14	M	Phạm Thiên Long	17	11	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
15	M	Nguyễn Văn Phú Lộc	24	1	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
16	F	Trần Thảo Ly	2	12	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 7:30am	19/2/2023	7:30	PM4
26	M	Trương Huỳnh Anh Quốc	5	1	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
27	M	Nguyễn Thanh Thái	16	9	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
28	F	Chung Ngọc Đan Thanh	7	9	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
29	F	Võ Như Thảo	22	12	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
30	F	Lê Võ Ngọc Thư	1	3	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
31	M	Nguyễn Minh Trí	23	2	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
32	M	Hoàng Quang Trung	25	10	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
157	M	Nguyễn Huy Khánh	13	9	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Điểm tổng	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport/ Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
158	M	Đào Huỳnh Đăng Khôi	21	3	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
159	M	Nguyễn Tiến Lộc	9	3	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
160	M	Võ Duy Lộc	19	12	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
161	F	Đỗ Ngọc Mai	15	11	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
162	M	Nguyễn Hữu Gia Minh	12	10	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
163	F	Hồ Quỳnh Thanh Ngọc	18	5	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
164	M	Huỳnh Hồ Khánh Nguyên	10	2	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
165	M	Huỳnh Minh Nhật	28	3	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
166	F	Đàm Thị Quỳnh Như	8	12	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
167	F	Trương Đỗ Như Quỳnh	18	9	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
168	M	Nguyễn Chí Tài	16	8	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
169	M	Nguyễn Thanh Phát Thịnh	28	10	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
170	M	Trần Trọng Thuần	22	11	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
171	F	Trương Thanh Thư	4	8	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
172	M	Vũ Mạnh Thương	3	1	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
173	M	Nguyễn Đức Tiến	30	11	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
174	M	Trần Mai Anh Tuấn	13	11	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM3
175	F	Huỳnh Nguyễn Thảo Uyên	25	9	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
176	F	Nguyễn Phương Uyên	27	1	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
33	F	Huỳnh Thị Tú Uyên	12	6	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
34	M	Lê Võ Ngọc Vinh	29	11	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
35	F	Trần Hoàng Thảo Vy	10	8	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
36	F	Trần Gia Hân	20	8	2006	11B02	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
37	M	Nguyễn Công Bảo	25	01	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
38	M	Nguyễn Thái Bảo	13	01	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
39	M	Nguyễn Như Cường	03	02	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
40	M	Huỳnh Lê Đạt	10	09	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
41	M	Trần Minh Đạt	26	10	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
42	F	Âu Ngọc Đồng	17	08	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
43	M	Trần Gia Huy	31	03	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Điểm tổng	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport/ Center	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
44	M	Nguyễn Thiều Nguyên Khan	03	08	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
45	M	Nguyễn Đình Bảo Khánh	10	06	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
46	M	Nguyễn Phước Khánh	25	05	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
47	M	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	02	03	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
48	M	Nguyễn Trọng Khôi	05	05	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
49	F	Cao Nguyễn Thảo Linh	01	12	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
50	F	Cao Nguyễn Trúc Linh	01	12	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 8:50am	19/2/2023	9:00	PM4
74	F	Trần Hoàng Thiên Ân	03	06	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
75	F	Trịnh Thị Thanh Bình	03	04	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
177	F	Nguyễn Thanh Vy	14	12	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
178	F	Nguyễn Thị Yến Vy	26	4	2006	11B07	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
51	M	Nguyễn Phúc Minh	04	03	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
52	M	Vũ Đức Minh	10	03	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
53	F	Phạm Gia Nghi	07	12	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
54	M	Phan Kỳ Nguyên	01	09	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
55	M	Trần Lê Gia Phú	06	05	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
56	M	Đỗ Hoàng Phúc	26	10	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
57	F	Lai Phạm Như Phúc	21	10	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
58	M	Lưu Hồng Quân	16	07	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
59	F	Nguyễn Lữ Như Quỳnh	23	05	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
60	F	Nguyễn Ngọc Minh Thảo	11	07	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
61	F	Huỳnh Lê Minh Thư	25	07	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
62	F	Nguyễn Phạm Minh Thư	26	04	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
63	M	Nguyễn Đức Tiến	25	01	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
64	F	Nguyễn Ngọc Thuỳ Trâm	26	12	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
65	F	Mai Thị Yến Trân	10	11	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
66	M	Âu Lê Quang Trí	28	04	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
67	M	Trần Minh Trí	18	05	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
68	M	Đoàn Minh Tuấn	06	08	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
69	M	Lê Hồng Thái Tuấn	29	06	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Điểm tổng	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport/ Center	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
70	F	Nguyễn Thị Phương Uyên	11	10	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
71	F	Phan Hồng Khánh Uyên	30	03	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM3
72	F	Nguyễn Trần Thanh Vân	21	12	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
73	F	Bùi Ngọc Lan Vi	03	08	2006	11B03	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
179	F	Nguyễn Thùy Lan Anh	01	02	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
180	M	Lưu Thành Danh	02	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
181	F	Nguyễn Thị Thùy Dung	16	01	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
182	M	Đỗ Tất Đạt	29	06	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
183	F	Quách Khánh Đoan	13	01	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
184	M	Lê Huỳnh Minh Đức	17	12	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
185	F	Đỗ Ngọc Bảo Hân	21	12	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
186	F	Phan Tuấn Gia Hân	17	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
187	F	Lương Ngọc Minh Hằng	24	02	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
188	M	Nguyễn Mạnh Hùng	17	11	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
189	F	Nguyễn Hoàng Lan Hương	07	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
190	M	Vũ Minh Khang	15	06	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
191	M	Đoàn Ngọc Tuấn Khiêm	20	03	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
192	M	Khổng Tuấn Kỳ	27	11	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
193	F	Nguyễn Mai Quỳnh Linh	17	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
194	F	Nguyễn Ngọc Phương Linh	24	11	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
195	F	Võ Khánh Linh	17	09	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
196	F	Nguyễn Vũ Mai Ly	03	07	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		PM4 10:10am	19/2/2023	10:30	PM4
76	M	Lê Nguyễn Nhật Duy	11	01	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
77	M	Đỗ Xuân Đông	06	03	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
78	F	Nguyễn Ngọc Hương Giang	11	9	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
79	M	Lê Long Hải	24	05	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
80	M	Nguyễn Tâm Trường Hải	25	07	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
81	M	Nguyễn Trọng Hiếu	1	2	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
82	M	Nguyễn Quang Huy	20	06	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
83	M	Trần Danh Quang Huy	16	11	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Phòng thi/ Room	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
84	M	Đình Phúc Khang	14	11	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
85	M	Mai Bảo Khang	27	07	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
86	M	Nguyễn Hữu Minh Khang	31	03	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
87	M	Bạch Văn Tín Khôi	23	08	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
88	M	Nguyễn Đại Lộc	11	10	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
89	M	Quản Lê Minh	23	11	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
90	F	Trần Trúc My	15	03	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
91	M	Nguyễn Văn Nam	07	12	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
92	F	Nguyễn Hà Bảo Ngân	05	10	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
93	F	Ứng Lê Nghi	25	10	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
94	F	Trần Nguyễn Hà Như	15	01	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
95	M	Nguyễn Quang Phong	21	11	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
96	M	Võ Lê Hoàng Phúc	12	3	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
97	M	Nguyễn Trương Đăng Quang	01	01	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
98	F	Trần Phương Ngọc Quý	11	8	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
99	M	Lê Trần Thiện Tâm	15	09	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 13:30pm	19/2/2023	13:30	PM3
197	M	Phan Đức Mạnh	08	08	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TA		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
200	M	Trần Phạm Long Nghĩa	09	07	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TA		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
198	F	Trương Nguyễn Uyên My	10	12	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
199	M	Trần Nguyễn Nhật Nam	13	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
201	F	Quách Nguyễn Mỹ Ngọc	31	05	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
202	F	Bùi Đặng Yến Nhi	02	05	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
203	F	Lưu Ngọc Thảo Nhi	21	07	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
204	M	Cao Nguyễn Đình Phong	23	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
205	F	Võ Hoa Hồng Quý	25	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
206	M	Nguyễn Đức Thành	17	06	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
207	F	Nguyễn Thị Phương Thảo	16	06	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
208	F	Võ Hoa Hồng Thiện	25	10	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
209	F	Lê Thị Minh Thư	30	09	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4
210	F	Nguyễn Anh Thư	13	12	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm m	19/2/2023	13:30	PM4

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Phòng thi/ Room	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
211	F	Nguyễn Minh Thư	05	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
212	F	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	25	12	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
213	M	Nguyễn Hoàng Lập Văn	16	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
214	F	Lê Bảo Tường Vy	20	02	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
215	F	Nguyễn Võ Khánh Vy	01	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
216	F	Trần Thị Như Ý	19	04	2006	11B08	MOS W	1	MOS 16	TV		13:30pm	19/2/2023	13:30	PM4
100	F	Lê Hoàng Ngân Thanh	12	10	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
101	F	Phan Thị Thảo	12	7	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
102	F	Lê Phụng Thi	25	04	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
103	M	Nguyễn Xuân Hoàn Thiện	30	08	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
104	F	Nguyễn Thị Minh Thư	20	05	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
105	F	Trần Hoàng Mai Thư	21	04	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
106	F	Thân Hoàng Phương Trinh	29	12	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
107	M	Nguyễn Đức Trọng	23	09	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
108	M	Huỳnh Lâm Bảo Trung	10	11	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
109	M	Nguyễn Quốc Tuấn	13	03	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
110	F	Đặng Thảo Vy	1	7	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
111	F	Mai Thanh Vy	03	05	2006	11B04	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
112	M	Lê Hồng Anh	24	2	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
113	F	Nguyễn Viết Vy Anh	14	4	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
114	M	Trần Đức Bảo	19	1	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
115	M	Đỗ Chiêm Đạt	30	3	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
116	M	Phạm Việt Đức	20	4	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
118	M	Phan Văn Hiếu	2	11	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
119	F	Ngô Thị Kim Hoa	1	6	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
120	M	Nguyễn Đức Hùng	8	4	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
121	M	Nguyễn Phú Hưng	19	5	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
122	M	Nguyễn Hoàng Minh Kha	20	6	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
124	M	Lý Cẩm Khang	3	9	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
125	F	Đặng Hoàng Trúc Linh	30	8	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Điểm tổng	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
217	M	Nguyễn Đức Trường An	25	12	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM3
218	F	Phạm Vũ Xuân Anh	4	3	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
219	F	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	16	1	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
220	F	Lê Hoàng Ngọc Bích	14	4	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
221	F	Huỳnh Giao	14	6	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
222	F	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	11	12	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
223	M	Lê Hoàng Hiếu	2	2	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
224	F	Nguyễn Mai Hoa	28	11	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
225	F	Gan Minh Hương	28	2	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
226	M	Huỳnh Đức Khang	8	11	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
227	F	Nguyễn Tường Uyên Khanh	27	2	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
228	M	Lê Trần Tuấn Kiệt	16	9	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
229	F	Nguyễn Thị Vân Lam	28	4	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
230	M	Đình Lê Nhật Minh	7	11	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
231	F	Hoà Minh Ngọc	27	3	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
232	F	Phạm Thị Bích Ngọc	6	4	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
233	F	Trần Bảo Ngọc	11	5	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
234	M	Mai Phước Nguyên	10	7	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
235	M	Trần Tấn Phát	17	1	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
236	M	Tổng Hoàng Phú	11	4	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4
117	F	Hồ Lê Hải Hà	4	11	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 14:50pm	19/2/2023	15:00	PM4

STT No.	Gender M/ F	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Date	Tháng sinh Month	Năm sinh Year	Lớp/ Class	Tên bài thi/ Exam Name	Điểm tổng	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ/ Language (TA/TV)	Tại điểm thi/ Certiport/ Certiport Location	Buổi thi/Shift (a.m/p.m)	Ngày thi/ Test date	Ca thi	Phòng thi
123	M	Lê Bảo Khang	18	4	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 14:50pm	19/2/2023	16:30	PM3
126	F	Lê Thị Ngọc Linh	23	11	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
127	M	Nguyễn Nhật Minh	8	8	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
128	F	Lâm Trương Huệ Mỹ	12	10	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
129	M	Nguyễn Duy Nam	25	5	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
130	M	Nguyễn Văn Nam	17	10	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
131	F	Lê Thị Thu Ngân	4	10	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
133	F	Nguyễn Khánh Ngọc	28	10	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
134	F	Huỳnh Thị Yến Nhi	20	3	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
135	F	Lại Võ Tâm Như	14	12	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
136	F	Phạm Lê Kim Oanh	21	2	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TA		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
237	F	Lê Nguyễn Uyên Phương	4	5	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
238	F	Nguyễn Trần Nhật Phương	29	7	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
239	M	Nguyễn Mạnh Thắng	7	4	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
240	F	Nguyễn Đoàn Minh Thư	15	11	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
241	F	Nguyễn Quỳnh Minh Thư	14	1	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
242	M	Võ Song Toàn	5	6	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
243	F	Ngô Nguyễn Bảo Trân	4	2	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
244	M	Trần Cao Tường	30	5	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
245	F	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	16	11	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
246	F	Lưu Ngọc Yến	28	10	2006	11B15	MOS W	1	MOS 16	TA		PM4 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3
132	F	Thái Nguyễn Kim Ngân	1	3	2006	11B06	MOS W	1	MOS 16	TV		PM3 16:10pm	19/2/2023	16:30	PM3